

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 197/2022/DS-ST

Ngày 09 – 8 – 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Đa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 13 tháng 6 và ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Phụng L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số B, hẻm C, đường L, khóm V, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh L1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số E, đường H, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 12/10/2020. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Thái B – Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Thanh Liệt, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Huỳnh Trần Minh Nh, sinh năm 1991; Cư trú tại: Số G, đường D, khóm L, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Chị Võ Thị Kiều Ng, sinh năm 1989; Cư trú tại: Số J, đường P, khóm K, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Trịnh Thanh Liệt là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên toà như sau:

Vào năm 2019, ông Lâm Phụng L cho anh Huỳnh Trần Minh Nh và chị Võ Thị Kiều Ng vay tiền các lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 20/9/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn, không thỏa thuận thời hạn vay, không thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 0,83%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận do chị Võ Thị Kiều Ng viết, ký tên.

- Lần 2: Vào ngày 19/10/2019, vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,83%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn, không thỏa thuận thời hạn vay, không thế chấp tài sản. Việc vay có lập biên nhận do chị Võ Thị Kiều Ng viết, ký tên.

Sau khi vay đến 12/10/2020, anh Nh và chị Ng không trả lãi cho ông L như thỏa thuận, ông L nhiều lần yêu cầu anh Nh và chị Ng thanh toán nợ nhưng anh Nh và chị Ng không thực hiện. Sau khi ông L khởi kiện đến nay thì chị Ng và anh Nh đã thanh toán cho ông L được 90.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ gốc 60.000.000 đồng và nợ lãi 14.110.000 đồng, tính như sau:

- Khoản vay 50.000.000 đồng, thời gian từ ngày 20/9/2019 đến 12/10/2020 tính tròn 12 tháng = 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 4.980.000 đồng;

- Khoản vay 100.000.000 đồng, thời gian từ ngày 19/10/2019 đến 12/10/2020 tính tròn 11 tháng = 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 9.130.000 đồng.

Ông L xác định đây là khoản nợ chung nên yêu cầu anh Nh và chị Ng cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi 14.110.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Đối với việc chị Ng cho rằng đã thanh toán cho ông L tổng cộng 125.000.000 đồng thì nguyên đơn xác định không đúng. Đối với các giao dịch chuyển khoản do chị Ng cung cấp và theo xác nhận của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì chị Ng có chuyển khoản thanh toán cho ông L tổng cộng 66.500.000 đồng, nguyên đơn không thừa nhận khoản tiền này, vì giữa ông L và chị Ng có nhiều giao dịch khác và chị Ng chuyển khoản trong thời gian trước khi khởi kiện là chuyển thanh toán cho các giao dịch khác, không phải thanh toán cho hai Biên nhận ngày 20/9/2019 và ngày 19/10/2019 mà ông L khởi kiện.

Chị Võ Thị Kiều Ng trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào năm 2019, chị có vay tiền của ông Lâm Phụng L hai lần tổng cộng 150.000.000 đồng, thời gian vay đúng như đơn khởi kiện, trình bày của đại diện nguyên đơn và 02 Biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, về lãi suất vay theo nguyên đơn trình bày là không đúng, chị vay tiền để làm vốn kinh doanh, với hình thức vay trả góp như sau: Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, trả gốc, lãi thành 120.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng; Khoản vay 50.000.000 đồng trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi thành 60.000.000 đồng, định kỳ hai ngày chị chuyển khoản thanh toán cho ông L một lần của hai khoản vay là 6.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn vay của ông L khoản vay khác vào ngày 12/9/2019 số tiền 100.000.000 đồng cũng hình thức trả góp, chị đã trả góp còn nợ lại 46.000.000 đồng, sau đó chị vay thêm 54.000.000 đồng, tổng cộng thành khoản vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 19/10/2019 và tiếp tục trả góp. Quá trình vay

đến nay chị đã trả góp cho ông L được tổng cộng gốc, lãi 125.000.000 đồng (theo chứng từ sao kê chuyển khoản chị cung cấp). Chị thừa nhận còn nợ ông L 65.000.000 đồng. Chị xác định đây là nợ riêng của chị, không liên quan đến anh Nh, nên chị không yêu cầu anh Nh cùng có nghĩa vụ thanh toán với chị.

Anh Huỳnh Trần Minh Nh trình bày quá trình giải quyết vụ án như sau:

Đối với khoản nợ ông L khởi kiện yêu cầu thanh toán 104.000.000 đồng. Anh xác định anh không cùng chị Ng vay số tiền này, anh không nhận tiền, không ký biên nhận, cũng không sử dụng tiền này, việc chị Ng vay tiền của ông L thì anh không biết. Anh xác định khoản vay này là nợ riêng của chị Ng nên anh không đồng ý cùng thanh toán số tiền trên cho ông L.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc anh Nh, chị Ng vay tiền của ông L hai lần đều có biên nhận, chị Ng thừa nhận việc vay tiền là đúng. Sau khi vay tiền, bị đơn không thực hiện cam kết thanh toán lãi đầy đủ cho nguyên đơn. Đến nay chị Ng đã thanh toán cho nguyên đơn được 90.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ gốc 60.000.000 đồng và 14.110.000 đồng tiền nợ lãi. Tại phiên tòa ngày 15/4/2021, chị Ng thừa nhận vay trước khi vợ chồng sống ly thân, do đó nợ trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của vợ chồng nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Nh, chị Ng cùng có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và nợ lãi số tiền 74.110.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Ng thanh toán cho nguyên đơn số tiền 44.110.000 đồng, trong đó 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và 14.110.000 đồng tiền nợ lãi; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc chênh lệch là 30.000.000 đồng và yêu cầu anh Nh cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Án phí dân sự, các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Chị Võ Thị Kiều Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh Huỳnh Trần Minh Nh xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị Ng và anh Nh.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay tổng cộng 150.000.000 đồng, khi vay các bên có lập biên nhận, thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, không thế chấp tài sản, để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình, nguyên đơn cung cấp 02 biên nhận nợ ngày 20/9/2019 và 19/10/2019 và xác định do bị đơn Võ Thị Kiều Ng viết và ký tên, nguyên đơn xác

định nợ chung. Bị đơn chị Ng xác định chữ ký, chữ viết tại các biên nhận do nguyên đơn cung cấp đúng là của chị và thừa nhận việc vay tiền đúng như đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định giữa các đương sự có hợp đồng vay số tiền 150.000.000 đồng là thực tế diễn ra đúng như lời trình bày của các đương sự. Nguyên đơn cho rằng quá trình vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi theo thỏa thuận. Từ sau khi khởi kiện đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 90.000.000 đồng tiền nợ gốc. Chị Ng xác định chị đã thanh toán cho nguyên đơn được 125.000.000 đồng, còn nợ nguyên đơn 65.000.000 đồng. Xét thấy, chị Ng cung cấp chứng cứ thanh toán tiền cho ông L qua các lần giao dịch chuyển khoản gồm: Ngày 20/9/2019 số tiền 4.000.000 đồng; ngày 23/9/2019 số tiền 4.000.000 đồng; ngày 25/9/2019 số tiền 6.500.000 đồng; ngày 28/9/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 02/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 04/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 07/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 10/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 14/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 16/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 18/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 21/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng; ngày 26/10/2019 số tiền 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Ng xác định hai giao dịch chuyển khoản ngày 20/9/2019 và 23/9/2019, mỗi lần 4.000.000 đồng là không phải chuyển trả cho hai biên nhận mà nguyên đơn khởi kiện. Đối với biên nhận ngày 20/9/2019 số tiền vay 50.000.000 đồng chị trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, định kỳ hai ngày chuyển khoản một lần, nên có cơ sở xác định chị Ng thanh toán cho nguyên đơn 09 lần giao dịch từ ngày 25/9/2019 đến ngày 18/10/2019, mỗi giao dịch chị Ng trả được 2.000.000 đồng, tổng cộng được 18.000.000 đồng, số tiền còn lại chuyển khoản cho giao dịch khác đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Đối với hai giao dịch ngày 21/10/2019 và 26/10/2019, tổng cộng 12.000.000 đồng, chị Ng chuyển khoản trả góp cho hai khoản vay đang khởi kiện. Tổng cộng chị Ng thanh toán trước khi khởi kiện là 30.000.000 đồng, nguyên đơn không thừa nhận có nhận số tiền đã thanh toán như trên. Tuy nhiên, qua xem xét tài liệu, chứng cứ và tại Văn bản số 283/2022/CV-CNCM ngày 17/6/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín xác định những số giao dịch nêu trên đều được chuyển khoản đến tài khoản tên Lâm Phụng L và thời gian chuyển khoản phù hợp với thời gian của hai khoản vay và phù hợp với trình bày của chị Ng, nên lời trình bày của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, từ ngày 23/11/2021 đến nay chị Ng đã thanh toán thêm được 90.000.000 đồng, tổng cộng chị Ng đã thanh toán được 120.000.000 đồng nợ gốc. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 30.000.000 đồng.

Về mức lãi suất và tiền lãi: Nguyên đơn xác định khi vay các bên thỏa thuận mức lãi suất là 0,83%/tháng, còn bị đơn xác định mức lãi suất là 20.000.000 đồng/02 tháng/100.000.000 đồng và 10.000.000 đồng/02 tháng/50.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên trình bày của nguyên đơn về mức lãi suất nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Về nợ lãi được tính cụ thể như sau:

- Khoản vay 50.000.000 đồng, thời gian từ ngày 20/9/2019 đến 12/10/2020 tính tròn 12 tháng = $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 100.000.000 đồng, thời gian từ ngày 19/10/2019 đến 12/10/2020 tính tròn 11 tháng = 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 9.130.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tổng cộng 14.110.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn xác định đây là nợ chung, chị Ng thừa nhận là nợ riêng của chị. Anh Nh xác định đây là nợ riêng của chị Ng. Xét thấy, các đương sự đều xác định khi vay chỉ có chị Ng ký tên biên nhận, anh Nh không ký tên, nguyên đơn cho rằng anh Nh có nhận tiền nhưng bị đơn xác định anh Nh không nhận tiền, chị Ng và anh Nh cho rằng vay để kinh doanh riêng, không vì nhu cầu của gia đình, nguyên đơn cho rằng vay để vợ chồng kinh doanh chung và nợ trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên ngoài lời trình bày của mình nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Căn cứ Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình xác định đây là khoản nợ riêng của chị Ng, cần buộc chị Ng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông L, không buộc anh Nh cùng có nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phụng L, về việc yêu cầu chị Võ Thị Kiều Ng thanh toán tiền nợ vay.

Buộc chị Võ Thị Kiều Ng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lâm Phụng L số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi 14.110.000 đồng. Tổng cộng 44.110.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lâm Phụng L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Võ Thị Kiều Ng không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc chênh lệch là 30.000.000 đồng và yêu cầu anh Huỳnh Trần Minh Nh cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Huỳnh Trần Minh Nh không phải nộp án phí; Chị Võ Thị Kiều Ng phải nộp 2.205.000 đồng; Ông Lâm Phụng L phải nộp 1.500.000 đồng. Ngày 16/10/2020, ông Lâm Phụng L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.103.000 đồng tại biên lai thu số 0000031, đối trừ ông L được nhận lại 2.603.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Nguyễn Hoàng Kha

Nguyễn Thị Ngọc Hân